

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 02 – 2024
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chiêu
2. Bà Võ Tuyết Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bé, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Kim H**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn E**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị H và anh E có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 01 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Ngô Kim H trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn E tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống, giữa chị và anh E xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không hàn gắn được. Chị và anh E đã ly thân khoảng 2 năm nay. Hiện nay chị nhận thấy đời sống hôn nhân

không còn hạnh phúc, không còn hợp nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh E. Về con chung: Chị và anh E có một người con chung tên Huỳnh Trọng N, sinh năm 2000. Hiện nay N đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Huỳnh Văn E trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống, anh và chị H do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý. Về con chung: Anh và chị H có một người con chung tên Huỳnh Trọng N, sinh năm 2000. Hiện nay N đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh E xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị H và anh E là vợ chồng. Về con chung: Anh Huỳnh Trọng N, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh E. Khi khởi kiện, anh E trú tại ấp Long Hòa, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H và anh E đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh E theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị H và anh E có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị H và anh E chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 và đã có một người con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị H và anh E là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị H yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh E.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh E có 01 người con là Huỳnh Trọng N, sinh năm 2000, hiện N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh E đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị H phải chịu 300.000 đồng. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006577 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Kim H và anh Huỳnh Văn E là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Huỳnh Trọng N, sinh năm 2000 đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Kim H và anh Huỳnh Văn E thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Ngô Kim H phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Ngô Kim H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006577 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi Cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào

